TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2020
"Tranh chấp về xác định cha mẹ cho con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thản

2. Bà Võ Thị Hồng Linh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020, về "Tranh chấp về xác định cha mẹ cho con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Anh Trương Hồng N, sinh năm: 1994 "Vắng mặt".

2. Chị Trần Thị Diễm M, sinh năm: 1999 "Vắng mặt".

Ngụ cùng địa chỉ: ấp S, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Kim B, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Tổ 9, ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17-12-2019 và qua các lần làm việc, nguyên đơn anh Trương Hồng N trình bày:

Anh là chồng của chị M, chị M là cháu ruột và gọi chị Kim B là cô.

Vào năm 2015, thời điểm này vợ anh (chị M) chưa đủ 18 tuổi, chị M có mượn giấy chứng minh nhân dân của chị B cho đủ điều kiện về độ tuổi để được đi làm. Ngày 28-8-2016, anh và chị M tổ chức cưới, khi cưới do chị M chưa đủ 18 tuổi nên anh chị không có đăng ký kết hôn.

Ngày 14-02-2018, chị M sinh con chung của anh chị là cháu Trần Thị Bé M, lúc này thẻ bảo hiểm y tế của chị M vẫn còn mang tên chị B. Vì vậy, để được bảo hiểm thanh toán tiền viện phí, anh chị phải khai tên mẹ cháu M là chị B trong giấy chứng sinh của cháu. Ngày 22-02-2018, anh chị làm khai sinh cho con, tiếp tục khai chị B là mẹ của cháu M và không có tên cha trong giấy khai sinh, để có đủ điều kiện cho chị M nhận tiền bảo hiểm thai sản.

Ngày 11-4-2018, anh và chị M đăng ký kết hôn.

Khoảng đầu năm 2019, vợ chồng anh muốn điều chỉnh lại giấy khai sinh cháu M cho đúng họ tên cha mẹ của cháu nhưng chị B không đồng ý đi, chị B cho rằng không có liên quan gì đến chị nữa. Mặt khác, do chị B bận đi làm nên không có thời gian để đi làm các thủ tục điều chỉnh cho vợ chồng anh chị.

Khoảng giữa năm 2019, anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu giải quyết, Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định. Sau khi có kết luận giám định anh và chị M có quan hệ huyết thống là cha mẹ với cháu M, Ủy ban xã B có ý kiến nếu anh rút đơn xã sẽ điều chỉnh lại tên cha mẹ trong giấy khai sinh cho con anh. Tuy nhiên, sau khi anh rút đơn thì xã không điều chỉnh được với lý do không mời được chị B để chị ký xác nhận việc cháu M không phải là con của chị B.

Đối với cháu M do vợ chồng anh đặt tên, khai sinh con, chăm sóc và nuôi dưỡng từ ngày cháu sinh ra cho đến hiện tại; chị B không có ngày nào nuôi dưỡng và chăm sóc cháu M.

Với những lý do trên, anh yêu cầu Tòa án xác định cháu Trần Thị Bé M, sinh ngày 14-02-2018 là con của anh và chị M, để vợ chồng anh điều chỉnh giấy khai sinh từ tên mẹ cháu là chị B sang tên cha mẹ cháu là anh và chị M.

Nguyên đơn, chị Trần Thị Diễm M trình bày: Thống với ý kiến và lời trình bày của chồng chị là anh N. Ngoài ra, chị không bổ sung gì thêm.

Bị đơn chị Trần Thị Kim B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc nhưng chị vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không thu thập được chứng cứ từ chị B.

Qua là việc với người làm chứng (là cha mẹ của chị B) ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H có lời trình bày thống nhất với lời trình bày của anh N và chị M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xác định cha mẹ cho con của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trương Hồng N và chị Trần Thị Diễm M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Trần Thị Kim B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp các đương sự vắng mặt là phù hợp với Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: do có nhu cầu làm việc khi chưa đủ 18 tuổi nên chị M có mượn giấy chứng minh nhân dân của chị B để đi làm công nhân. Sau khi chị M sinh con chung của chị với anh N là cháu Trần Thị Bé M vào ngày 14-02-2018, do cần các thủ tục hợp pháp để nhận tiền bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội, anh N và chị M khai sinh cháu M là con của chị B. Trên thực tế anh N và chị M nuôi con (cháu M) từ khi sinh cho đến nay, chị B không có thời gian nào nuôi dưỡng cháu M. Lời trình bày của anh chị phù hợp với lời trình bày của cha mẹ chi B là ông T và bà H. Đồng thời, phù hợp với Kết luận giám định pháp y về ADN số 129/19/TC-ADN ngày 22-5-2019 của Viện Pháp y Quốc gia kết luận: anh Trương Hồng N và chị Trần Thị Diễm M có quan hệ huyết thống cha, mẹ và con với cháu Trần Thị Bé M, độ tin cậy 99,9999%.

[3] Căn cứ vào các điều 88 và 89 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N và chị M, xác định cháu Trần Thị Bé M, sinh ngày 14-02-2018 là con chung của anh N và chị M. Anh N và chị M có quyền và nghĩa vụ đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh họ và tên mẹ cháu M là chị Trần Thị Kim B sang họ tên cha mẹ cháu M là anh Trương Hồng N và chị Trần Thị Diễm M, theo giấy khai sinh cháu Trần Thị Bé M, sinh ngày 14-02-2018, số 62/2018, được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Gò Dầu ngày 22-02-2018.

Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: anh N và chị M được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 88 và 89 của Luật Hôn N và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Hồng N và chị Trần Thị Diễm M.

2. Xác định anh Trương Hồng N và chị Trần Thị Diễm M là cha mẹ cháu Trần Thị Bé M, sinh ngày 14-02-2018, được đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G ngày 22-02-2018, số 62/2018.

3. Anh Trương Hồng N và chị Trần Thị Diễm M có quyền và nghĩa vụ đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh từ họ và tên mẹ cháu M là chị Trần Thị Kim B sang họ tên cha mẹ cháu M là anh Trương Hồng N và chị Trần Thị Diễm M, theo giấy khai sinh cháu Trần Thị Bé M có thông tin như Mục 2 phần Quyết định đã nêu khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí: Anh N và chị M được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh N và chị M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000032 ngày 02-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Vân Quỳnh